

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1951/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 138/TTr-SGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2015 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 323b/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát triển bến khách ngang sông phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh Bắc Giang, hỗ trợ hiệu quả giao thông vận tải đường bộ, nhất là các tuyến đường liên thôn, liên xã nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu văn hóa và luân chuyển hành khách, hàng hóa giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Hạn chế tối đa việc mở mới các bến khách ngang sông; hệ thống hóa và củng cố, đầu tư từng bước đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống bến khách ngang sông hiện có.

Phân bổ bến khách ngang sông hợp lý, đóng một số bến có địa hình và thủy

vấn không ổn định hoặc khoảng cách giữa hai bên quá gần nhau, đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa 2 bên không nhỏ hơn 1000 mét, đối với các địa phương vùng núi có địa hình phức tạp, tùy từng trường hợp cụ thể khoảng cách giữa 2 bên có thể dưới 1000 mét nhưng không nhỏ hơn 500 mét, nhằm giảm mật độ phương tiện giao thông trên đường thủy nội địa, hạn chế tai nạn giao thông; giảm chi phí mua sắm, sửa chữa phương tiện, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng bến.

2. Mục tiêu quy hoạch

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, tất cả bến khách ngang sông trong diện quy hoạch được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy chuẩn: lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa; xây dựng bến cấp phương tiện, đường lên xuống, nơi chờ đạt chuẩn; lắp đặt bảng nội quy, bảng niêm yết giá vé, đèn chiếu sáng đảm bảo đủ điều kiện theo quy định; 100% các bến phải có giấy phép hoạt động.

Thay thế toàn bộ phương tiện vỏ xi măng lưới thép; phương tiện vận chuyển được lắp máy, được trang bị đầy đủ dụng cụ cứu sinh và các trang bị khác đảm bảo vận chuyển an toàn, nhanh chóng và thuận tiện; phương tiện vận chuyển được đăng ký, đăng kiểm và tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động của bến, nhất là đội ngũ điều khiển phương tiện chở khách phải có đủ bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với phương tiện hoạt động tại bến.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

* Giai đoạn đến năm 2020:

Lắp đặt báo hiệu đường thủy 28 bến có phương tiện dọc sông qua lại, mỗi bến lắp đặt 02 biển báo hiệu về hai phía thượng lưu và hạ lưu;

Xây dựng bến cấp phương tiện theo quy chuẩn 26 bến, trong đó 13 bến xây dựng phía bờ phải, 13 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải;

Xây dựng mặt bằng nơi chờ theo quy chuẩn 31 bến, trong đó 17 bến xây dựng phía bờ trái, 14 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải;

Đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa cho 71 người chưa bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

Mở rộng và nâng cấp bến cấp phương tiện theo quy chuẩn 15 bến, trong đó 01 bến xây dựng phía bờ phải, 05 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải, 09 bến xây dựng phía bờ trái;

Xây dựng, nâng cấp và mở đường lên xuống bến theo quy chuẩn 31 bến, trong đó làm mới 27 bến, nâng cấp mở rộng 04 bến;

Xây dựng nhà chờ theo quy chuẩn 29 bến, trong đó 17 bến xây dựng phía bờ trái, 12 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải;

Mở thêm 01 bến vùng hồ Khuôn Thần; mở từ 02 đến 04 bến tại các xã: Tân

Son, Cẩm Sơn, Sơn Hải và Hộ Đáp vùng hồ Cẩm Sơn.

* Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư mở từ 03 đến 05 bến khách ngang sông trong vùng hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần để phục vụ nhân dân trong vùng và khách thăm quan du lịch.

3. Nội dung Quy hoạch

3.1. Quy hoạch về đóng, mở bến khách ngang sông

Quy hoạch đóng, mở một số bến khách ngang sông cụ thể như sau:

* Giai đoạn đến năm 2020:

- Trên sông Cầu đóng 14 bến (trong tổng số 35 bến), gồm các bến Đông Hương (xã Nham Sơn), Yên Tập, Thạch Xá (xã Yên Lư), Mai Hạ, Vọng Giang, Long Xá (xã Yên Lư), Cẩm Xuyên 1, Cẩm Xuyên 2 (xã Xuân Cẩm), Giáp Ngũ (xã Mai Đình), Soi Cốc (xã Quang Minh), Văn Chi (xã Văn Hà), Lương Tài (xã Tiên Sơn), Lãi Vạn, Chùa Giộc; trên sông Thương đóng bến Than (xã Dương Đức); giữ nguyên các bến trên sông Lục Nam.

- Mở mới 01 bến trong vùng hồ Khuôn Thần (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn); mở thêm từ 02 đến 04 bến trong vùng hồ Cẩm Sơn (xã Tân Sơn, Cẩm Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải, huyện Lục Ngạn).

- Đến năm 2020, trên sông Thương duy trì 8 bến hoạt động, trong đó có 01 bến phà (phà Đồng Việt), 01 bến loại 1, 05 bến loại 3 và 01 bến loại 4; trên sông Cầu duy trì 21 bến hoạt động, trong đó có 06 bến loại 1; 07 bến loại 2; 05 bến loại 3 và 03 bến loại 4; trên sông Lục Nam duy trì 13 bến hoạt động, trong đó có 01 bến loại 1, 06 bến loại 3 và 06 bến loại 4; trên vùng hồ Khuôn Thần có 01 bến; trên vùng hồ Cẩm Sơn có từ 03 đến 05 bến;

* Giai đoạn 2021 – 2030: Trên sông Thương đóng bến Hương; mở mới 01 bến trong vùng hồ Khuôn Thần (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn); mở từ 03 đến 05 bến trong vùng hồ Cẩm Sơn (xã Tân Sơn, Cẩm Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải huyện Lục Ngạn); nâng cấp bến Mai Trung, Mai Thượng, Cẩm Hoàng, Phù Tài, Cung Kiệm, Đông Cao cùng với bến Mom thành các bến có khả năng chuyên chở ô tô với trọng tải dưới 12 chỗ ngồi đối với xe chở người hoặc 2,5 tấn đối với xe tải.

3.2. Quy hoạch về kết cấu hạ tầng bến khách ngang sông

Xây dựng cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông đảm bảo đủ điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động gồm: xây dựng bến cập phương tiện, làm đường lên xuống, xây dựng nơi chờ có lắp đặt đầy đủ bảng nội quy và bảng niêm yết giá vé, những bến hoạt động ban đêm phải lắp đặt đèn chiếu sáng. Quy mô xây dựng bến căn cứ lưu lượng, nhu cầu đi lại của nhân dân. Các bến được phân theo loại để đầu tư xây dựng đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật, điều kiện thực tế, lưu lượng hành khách, vị trí địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo vận chuyển an toàn, thuận tiện.

* Giai đoạn đến năm 2020:

- Xây dựng mới bến cập phương tiện theo quy chuẩn đối với 26 bến, trong đó 13 bến xây dựng phía bờ phải, 13 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải, cụ thể: xây mới 06 bến cập phương tiện trên tuyến sông Thương; 08 bến trên tuyến sông Lục Nam; 11 bến trên tuyến sông Cầu và 01 bến khu vực hồ Cẩm Sơn.

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp, cải tạo bến cập phương tiện những bến chưa đạt chuẩn đối với 15 bến, trong đó 01 bến xây dựng phía bờ phải, 05 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải, 09 bến xây dựng phía bờ trái, cụ thể: mở rộng, cải tạo, nâng cấp 01 bến cập phương tiện trên tuyến sông Thương; 05 bến trên tuyến sông Lục Nam; 09 bến trên tuyến sông Cầu.

- Xây dựng, nâng cấp và mở đường lên xuống bến theo quy chuẩn đối với 31 bến, trong đó làm mới 27 bến, nâng cấp mở rộng 4 bến, cụ thể: xây dựng, nâng cấp và mở đường lên xuống bến theo quy chuẩn đối với 06 bến trên tuyến sông Thương; 10 bến trên tuyến Lục Nam (bến Hòa Mục bờ phải, bến Bò bờ trái nâng cấp mở rộng); 14 bến trên tuyến sông (các bến Thăng Lợi, Giang Tân, Cẩm Hoàng và bến Mai Trung mở rộng và nâng cấp); 01 bến vùng Hồ Cẩm Sơn.

- Xây dựng nhà chờ theo quy chuẩn 29 bến, trong đó 17 bến xây dựng phía bờ trái, 12 bến xây dựng cả bờ trái và bờ phải.

* Giai đoạn 2021 - 2030:

- Xây dựng đường lên xuống bến, nơi chờ, lắp đặt biển báo hiệu đối với các bến mở mới thuộc vùng hồ Khuôn Thần (1 bến), vùng hồ Cẩm Sơn (khoảng 3 đến 5 bến);

- Nâng cấp đường lên, xuống bến, nơi chờ, biển báo tại các bến: Cẩm Hoàng, Phú Tài, Mai Thượng, Cung Kiệm, Mai Trung, Đồng Cao đảm bảo cho xe ô tô có thể lên xuống bến thuận tiện, an toàn.

3.3. Quy hoạch phương tiện

Đầu tư đóng mới phương tiện vận chuyển kết cấu vỏ thép thay thế dần phương tiện vỏ xi măng lưới thép. Phương tiện phải được lắp máy (trừ những bến ở miền núi có địa hình, thủy văn không ổn định, khoảng cách giữa 2 đầu bến ngắn sử dụng dây kéo tay).

* Giai đoạn đến năm 2020:

Đóng mới phương tiện vỏ thép có lắp máy 30 chiếc, trong đó: tuyến sông Thương 05 chiếc, tuyến sông Lục Nam 11 chiếc, tuyến sông Cầu 13 chiếc, hồ Cẩm Sơn 01 chiếc.

3.4. Quy hoạch về báo hiệu

* Giai đoạn đến 2020:

- Lắp đặt báo hiệu đường thủy 28 bến có phương tiện dọc sông qua lại, mỗi bến lắp đặt 2 biển báo hiệu về hai phía thượng lưu và hạ lưu, trong đó: tuyến sông Thương lắp đặt tại 5 bến; tuyến sông Lục Nam lắp đặt tại 4 bến; tuyến sông Cầu lắp đặt tại 19 bến.

- Lắp đặt bảng nội quy, bảng niêm yết giá vé 31 bến, trong đó: tuyến sông

Thương 5 bến, tuyến sông Lục Nam 8 bến, tuyến sông Cầu 17 bến, hồ Cẩm Sơn 1 bến.

* Giai đoạn đến năm 2030:

Duy trì, bảo dưỡng các biển báo hiệu, bảng nội quy, bảng niêm yết giá vé đảm bảo an toàn giao thông.

3.5. Quy hoạch về nguồn nhân lực

Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động của bến khách ngang sông. Người điều khiển phương tiện phải được cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa theo quy định, mỗi phương tiện có ít nhất 02 người điều khiển, bố trí đủ thuyền viên đối với phương tiện hoạt động tại bến phà và phương tiện được phép chở ô tô.

* Giai đoạn đến hết năm 2020:

Đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận hoặc tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa cho 71 người, trong đó:

+ Tuyến sông Thương: đào tạo 02 Thuyền trưởng hạng III, 10 người lái phương tiện được cấp Chứng chỉ chuyên môn, 02 người được cấp Giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa cho các bến;

+ Tuyến sông Lục Nam: đào tạo 01 Thuyền trưởng hạng III, 12 người lái phương tiện được cấp Chứng chỉ chuyên môn, 10 người được cấp Giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa cho các bến;

+ Tuyến sông Cầu: đào tạo 04 Thuyền trưởng hạng III, 22 người lái phương tiện được cấp Chứng chỉ chuyên môn, 06 người được cấp Giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa cho các bến;

+ Hồ Cẩm Sơn: đào tạo 02 người lái phương tiện được cấp Chứng chỉ chuyên môn cho bến Đắp.

3.6. Nhu cầu sử dụng đất

Nhu cầu đất sử dụng cho bến khách ngang sông giai đoạn đến hết năm 2020 khoảng 18.690 m² cụ thể như sau:

Loại bến	Bến cập phương tiện (m ²)	Đường lên xuống (m ²)	Nhà chờ (m ²)
Loại 1	490	4070	420
Loại 2	420	2800	280
Loại 3	880	6600	660
Loại 4	270	1800	
Tổng	2.060	15.270	1.360
	18.690		

3.7. Nhu cầu vốn đầu tư

* Nhu cầu vốn xây dựng cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2020 là 7,101 tỷ đồng, trong đó:

- Lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa 0,392 tỷ đồng;
- Xây mới và nâng cấp mở rộng bến cập phương tiện 0,880 tỷ đồng;
- Làm mới và mở rộng đường lên xuống 1,290 tỷ đồng;
- Xây dựng nơi chờ, nhà chờ 1,471 tỷ đồng;
- Đóng mới phương tiện 2,930 tỷ đồng;
- Đào tạo người lái phương tiện 0,138 tỷ đồng.

* Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 là 649.000.000 đồng, trong đó:

- Xây dựng đường lên xuống bến, nơi chờ đối với các bến mở mới: 0,476 tỷ đồng.
- Nâng cấp các bến Cẩm Hoàng, Phù Tài, Cung Kiệm, Mai Thượng, Mai Trung, Đống Cao: 0,173 tỷ đồng.

* Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 10-20%, vốn xã hội hóa chiếm khoảng 80-90%. Trong đó:

- Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng bến khách ngang sông từ nguồn của đơn vị kinh doanh bến khách ngang sông, vốn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã), vốn hỗ trợ từ kinh phí an toàn giao thông và nguồn vốn khác.
- Vốn đào tạo: từ người lái phương tiện, vốn hỗ trợ từ kinh phí an toàn giao thông, vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã).

4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

Tập trung đầu tư lắp đặt báo hiệu giao thông đường thủy nội địa cho 28 bến; bố trí, san lấp mặt bằng nơi chờ cho các bến khách ngang sông từ loại 1 đến loại 3; đóng mới thay thế các phương tiện đã cũ, chất lượng kém; mở rộng, nâng cấp đường lên xuống bến; xây dựng và nâng cấp bến cập phương tiện cho các bến; đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn cho người lái phương tiện đảm bảo mỗi phương tiện có ít nhất 02 người điều khiển.

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

Có 5 nhóm giải pháp chính được đưa để quản lý và thực hiện Quy hoạch gồm:

- Giải pháp về quản lý;
- Giải pháp về đầu tư nâng cấp, xây dựng bến;
- Giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ;
- Giải pháp về bảo đảm an toàn giao thông;
- Giải pháp về phát triển công nghiệp giao thông vận tải thủy.

(Có Báo cáo Quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn